

Số: 820/BC-SCT

Quảng Trị, ngày 24 tháng 8 năm 2015

BÁO CÁO
TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN CÔNG NGHIỆP, THƯƠNG MẠI
THÁNG 8 NĂM 2015

I. Tình hình sản xuất công nghiệp và kinh doanh thương mại

1. Lĩnh vực sản xuất công nghiệp

1.1. Chỉ số sản xuất công nghiệp:

Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tháng 8/2015 giảm 5,75% so với tháng trước; Tuy nhiên, so với cùng kỳ năm trước chỉ số IPP tăng 8,02%. Trong đó, ngành công nghiệp khai khoáng tăng 0,55%; ngành công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 9,22%; hoạt động sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước, điều hòa không khí tăng 3,71%; cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 11,66% so với tháng cùng kỳ năm trước.

Tính chung, chỉ số sản xuất công nghiệp 8 tháng đầu năm 2015 có mức tăng khá đạt 13,19% so với cùng kỳ năm trước, cao hơn nhiều so với mức tăng cùng kỳ năm 2014 (6,89%). Trong đó: Công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 19,55%; cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải tăng 10,12%; Riêng công nghiệp khai khoáng giảm 5,79%; sản xuất và phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí giảm 17,79% so với cùng kỳ năm trước.

1.2. Sản phẩm công nghiệp chủ yếu:

Một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu tháng 8/2015 đạt được mức tăng trưởng khá so với tháng cùng kỳ năm trước như: Dầu nhựa thông tăng 47,06%; sắn xe các loại tăng 25,0%; tinh bột sắn tăng 14,6%; nước uống được tăng 11,46%. Một số sản phẩm duy trì ở mức tăng ổn định như: Xi măng Portland đen tăng 3,07%; điện thương phẩm tăng 1,34%. Bên cạnh đó, một số sản phẩm giảm như: Quặng Ilmenite và tinh quặng Ilmenite giảm 52,29%; tấm lợp Phibro xi măng giảm 53,49%; gỗ xẻ giảm 23,14%; quặng zircon và tinh quặng zircon giảm 16,04%; phân bón NPK giảm 7,74%; đồ uống không cồn, nước khoáng giảm 5,9%; lốp xe các loại giảm 4,76%; gạch xây giảm 3,76%; đá xây dựng giảm 0,72%; điện sản xuất không tăng, không giảm.

2. Lĩnh vực thương mại và xuất nhập khẩu:

2.1 Lĩnh vực thương mại:

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tháng 8/2015 ước đạt 1832,07 tỷ đồng, tăng 3,12% so với tháng trước và tăng 6,68% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó:

Tổng mức bán lẻ hàng hóa ước đạt 1580,52 tỷ đồng, tăng 3,58% so với tháng trước và tăng 7,14% so với tháng cùng kỳ năm trước. Phân theo loại hình kinh tế: Khu vực kinh tế nhà nước ước đạt 126,03 tỷ đồng, giảm 21,52%; khu vực kinh tế cá

thể ước đạt 934,59 tỷ đồng, tăng 13,7%; kinh tế tư nhân ước đạt 519,75 tỷ đồng, tăng 5,55% so với cùng kỳ năm trước.

Tổng doanh thu hoạt động dịch vụ ước đạt 251,55 tỷ đồng, tăng 0,32% so với tháng trước và tăng 3,88% so với tháng cùng kỳ năm trước. Phân theo ngành, dịch vụ lưu trú ước đạt 7,59 tỷ đồng, tăng 13,29%; dịch vụ ăn uống ước đạt 184,31%, tăng 4,01%; lữ hành và hoạt động hỗ trợ du lịch ước đạt 2,9 tỷ đồng, tăng 148,5%; dịch vụ khác ước đạt 56,74 tỷ đồng, giảm 0,58% so với cùng kỳ năm trước.

Tính chung, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ 8 tháng đầu năm 2015 ước đạt 14091,32 tỷ đồng, tăng 7,82% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó, tổng mức bán lẻ ước đạt 12121,27 tỷ đồng, tăng 7,8%; doanh thu hoạt động dịch vụ ước đạt 1970,05 tỷ đồng, tăng 7,97%.

2.2. Hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu

2.2.1. Xuất khẩu

Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa tháng 8/2015 ước đạt 18,766 triệu USD, tăng 4,66% so với tháng trước. Trong đó: kinh tế nhà nước ước đạt 0,72 triệu USD, tăng 37,14%; kinh tế tư nhân ước đạt 17,286 triệu USD, tăng 3,38%; kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài ước đạt 0,76 triệu USD, tăng 10,95%

Tính chung 8 tháng đầu năm 2015, kim ngạch xuất khẩu ước đạt 127,483 triệu USD, tăng 4,91% so với cùng kỳ năm trước¹. Trong đó: kinh tế nhà nước ước đạt 15,405 triệu USD, giảm 20,61%; kinh tế tư nhân ước đạt 105,829 triệu USD, tăng 12,25%; kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài ước đạt 6,249 triệu USD, giảm 20,15%.

2.2.2. Nhập khẩu:

Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa tháng 8/2015 ước đạt 19,111 triệu USD, tăng 3,85% so với tháng trước². Trong đó: kinh tế nhà nước ước đạt 0,47 triệu USD, tăng 68,46%; kinh tế tư nhân ước đạt 18,23 triệu USD, tăng 2,58%; kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài ước đạt 0,411 triệu USD, tăng 16,43%.

Tính chung 8 tháng đầu năm 2015, kim ngạch nhập khẩu ước đạt 113,577 triệu USD, giảm 8,65% so với cùng kỳ năm 2014. Trong đó: kinh tế nhà nước ước đạt 2,804 triệu USD, giảm 75,09%; kinh tế tư nhân ước đạt 107,424 triệu USD, giảm 0,79%; kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài ước đạt 3,349 triệu USD, giảm 30,14%.

3. Chỉ số giá tiêu dùng:

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 8/2015 giảm 0,2% so tháng trước, đây là tháng thứ năm chỉ số giảm từ đầu năm đến nay. Nguyên nhân là do nhóm hàng giao thông giảm 2,02% (giá xăng dầu liên tiếp được điều chỉnh giảm ngày 04/8 và 19/8/2015); nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống giảm 0,27%; nhóm hàng nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng giảm 0,08%. Ngoài nhóm hàng may mặc, mũ nón, giày dép tăng 0,9% (do nhu cầu đồng phục học sinh tăng trong dịp tựu trường đón năm học mới) thì các nhóm hàng còn lại không tăng, không giảm.

Chỉ số giá tiêu dùng tháng 8 năm 2015 giảm 0,54% so với cùng kỳ năm trước và giảm 0,41% so với thời điểm điểm tháng 12/2014.

¹ Một số mặt hàng xuất khẩu chủ yếu như: Hàng rau quả; sản và các sản phẩm từ sản; xăm lốp xe máy, bánh kẹo và các sản phẩm từ ngũ cốc, gỗ và gỗ ép.

² Một số mặt hàng nhập khẩu chủ yếu như: Hàng rau; sản phẩm từ cao su; gỗ và các sản phẩm từ gỗ.

II. Công tác quản lý nhà nước trên lĩnh vực công thương

- Tổ chức Hội nghị triển khai nhiệm vụ các tháng cuối năm 2015 của Ban chỉ đạo 389 địa phương; Ban chỉ đạo phát triển công nghiệp tỉnh; Ban Hội nhập và Hợp tác kinh tế quốc tế; Ban chỉ đạo bảo vệ an toàn công trình lưới điện cao áp tỉnh.

- Phối hợp với Sở Kế hoạch Đầu tư tham UBND tỉnh báo cáo giải trình và lấy ý kiến Bộ Công Thương về Đề án thành lập Khu kinh tế Đông Nam, tỉnh Quảng Trị; Trình UBND tỉnh phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch phân khu xây dựng Khu vực hỗ trợ phát triển các dự án động lực thuộc Khu Đông Nam tỉnh Quảng Trị (tỷ lệ 1/2.000).

- Tham mưu UBND tỉnh ra Thông báo ý kiến Kết luận của Phó Chủ tịch Nguyễn Quân Chính tại Hội nghị thẩm định Đề án quy hoạch phát triển các Dự án có nhu cầu sử dụng khí đến năm 2020, định hướng đến 2030; Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự án lập Quy hoạch phát triển điện lực tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2016 – 2025 (hợp phần 1) để triển khai thực hiện.

- Tham mưu UBND tỉnh giải quyết chủ trương hợp tác đầu tư của Công ty One Asian Development Co.Ltd Thái Lan về xây dựng khu phức hợp năng lượng tại khu kinh tế Đông Nam; Tham mưu UBND tỉnh làm việc với Đoàn các nhà đầu tư Hàn Quốc về các dự án đầu tư tại Khu Đông Nam tỉnh và hỗ trợ nhà đầu tư hoàn thiện các thủ tục đầu tư dự án Nhà máy nhiệt điện Quảng Trị 1.

- Tổ chức lấy ý kiến và hoàn chỉnh dự thảo Kế hoạch hành động thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành Công Thương Quảng Trị; Hoàn chỉnh chương trình khoa học công nghệ phục vụ phát triển ngành công nghiệp và thương mại đến năm 2020.

- Chỉ đạo triển khai công tác khuyến công và hoạt động xúc tiến thương mại tỉnh; Tổ chức nghiệm thu đề án khuyến công của tỉnh đợt 2 và Quốc gia năm 2015; Triển khai các phiên chợ hàng Việt về nông thôn năm 2015 thuộc Chương trình xúc tiến thương mại tỉnh.

- Đề xuất UBND tỉnh thực hiện các nội dung trong kế hoạch phát triển ngành Dệt may của tỉnh; Hoàn chỉnh đề cương và dự toán chi tiết Đề tài “Xây dựng mô hình ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất sạch hơn trong công nghiệp trên địa bàn tỉnh”.

- Tham mưu UBND tỉnh kiện toàn và ban hành Quy chế hoạt động của Ban chỉ đạo Bảo vệ an toàn công trình lưới điện cao áp tỉnh; Hoàn chỉnh Kế hoạch giải tỏa vi phạm hành lang an toàn công trình lưới điện cao áp năm 2015.

- Trình UBND tỉnh phê duyệt thiết kế bản vẽ thi công và dự toán hạng mục: Cấp điện nông thôn xã Triệu Thượng, huyện Triệu Phong thuộc dự án cấp điện nông thôn từ lưới điện quốc gia tỉnh Quảng Trị, giai đoạn 2014-2020; Hiện đang triển khai hồ sơ mời thầu dự án.

- Tham mưu làm việc với các ngành, lực lượng chức năng của tỉnh về việc triển khai thực hiện Nghị quyết 41/NQ-CP của Thủ tướng Chính phủ về đẩy mạnh công tác đấu tranh chống buôn lậu, gian lận thương mại và hàng giả trong tình hình mới; Chỉ đạo tích cực công tác kiểm tra việc tổ chức bán hàng đa cấp trên địa bàn tỉnh.

- Làm việc với Đoàn theo dõi thi hành pháp luật và khảo sát phục vụ tổng kết Luật Thương mại của Bộ Công Thương năm 2015; Làm việc với Ủy ban kiểm tra Tỉnh uỷ về tình hình xây dựng nông thôn mới.

- Đề xuất UBND tỉnh bổ sung quy hoạch địa điểm xây dựng cửa hàng xăng dầu; Quy hoạch địa điểm xây dựng cửa hàng bán lẻ dầu Diesel trên địa bàn tỉnh.

- Tham mưu chuẩn bị các nội dung liên quan đến Hội nghị trực tuyến quán triệt Chỉ thị 15/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về Hội nhập Quốc tế; Làm việc với nhóm nghiên cứu thương mại xuyên biên giới; Vận động thành lập Hiệp hội Cà phê Khe sanh Hướng Hóa.

- Triển khai thực hiện xây dựng và nâng cấp website thương mại điện tử của tỉnh; Tổ chức Hội nghị tập huấn về Thương mại điện tử năm 2015 tại thị xã Quảng Trị.

- Phối hợp làm phóng sự về xử lý vi phạm trộm cắp điện trên địa bàn tỉnh; Tham mưu giải trình ý kiến, kiến nghị của cử tri tại kỳ họp thứ 17, khóa VI; Xử lý các trường hợp vi phạm trong sử dụng điện do Công ty Điện lực gửi đến.

- Tổ chức phổ biến Luật phòng chống tham nhũng, Luật Khiếu nại, Tố cáo và Quy chế dân chủ của Sở; Tham mưu bổ sung quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý Trung tâm Khuyến công & Xúc tiến thương mại giai đoạn 2015 -2020.

- Tham mưu UBND tỉnh công bố thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở; Trình UBND công bố thủ tục hành chính mới ban hành; thủ tục hành chính sửa đổi thuộc lĩnh vực công thương áp dụng tại UBND cấp huyện, cấp xã trên địa bàn tỉnh; Tổ chức rà soát thủ tục hành chính thực hiện cơ chế một cửa liên thông của Sở; Duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng phù hợp với tiêu chuẩn TCVN ISO 9001:2008 của Sở; Thực hiện cập nhật dữ liệu lên Trang thông tin điện tử của Sở Công Thương.

III. Một số công tác trọng tâm tháng 9 năm 2015

- Tiếp tục nắm bắt tình hình sản xuất kinh doanh, khó khăn vướng mắc của doanh nghiệp, cơ sở sản xuất, kinh doanh để tham mưu và đề xuất UBND tỉnh các giải pháp tháo gỡ, hỗ trợ; Tiếp tục hoàn chỉnh các nội dung Sở được phân công về tổ chức Diễn đàn kinh tế Quảng Trị năm 2015 - Kết nối hành lang kinh tế Đông Tây.

- Tiếp tục phối hợp tư vấn lập quy hoạch chi tiết khu Trung tâm khu Đông Nam Quảng Trị; Xây dựng và triển khai Kế hoạch đấu thầu lập quy hoạch phân khu xây dựng khu vực hỗ trợ phát triển các dự án động lực thuộc khu Đông Nam trình phê duyệt và đề xuất phương án ký hợp đồng nguyên tắc với đơn vị tư vấn đo đạc bản đồ địa hình tỷ lệ 1/2000 phục vụ quy hoạch phân khu chức năng khu Đông Nam Quảng Trị.

- Công bố Quy hoạch phát triển điện gió tỉnh Quảng Trị giai đoạn đến 2020; Triển khai lập Quy hoạch phát triển điện lực (hợp phần 1) giai đoạn 2016-2025; Đôn đốc hoàn thành Quy hoạch thăm dò, khai thác, sử dụng khoáng sản tỉnh Quảng Trị đến năm 2020, có tính đến năm 2030 trình HĐND tỉnh thông qua; Lập Kế hoạch phòng ngừa ứng phó sự cố hoá chất cấp tỉnh.

- Hỗ trợ các nhà đầu tư hoàn thiện thủ tục đầu tư dự án Nhà máy nhiệt điện Quảng Trị 1 và các dự án đầu tư vào Khu Đông Nam.

- Phối hợp Viện Quy hoạch Đô thị và Nông thôn (Bộ Xây dựng) lập Quy hoạch chi tiết khu Trung tâm khu Đông Nam Quảng Trị; Tham mưu triển khai thực hiện Bản ghi nhớ giữa UBND tỉnh Quảng Trị và Công ty One Asean.

- Tiếp tục xúc tiến đầu tư, đôn đốc đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án sản xuất công nghiệp trên địa bàn tỉnh.

- Xây dựng đề tài “Xây dựng mô hình ứng dụng khoa học công nghệ vào sản xuất sạch hơn trong công nghiệp trên địa bàn tỉnh”; Tham mưu xây dựng đề án phát triển cụm, điểm công nghiệp – làng nghề trên địa bàn tỉnh đến năm 2020, có tính đến năm 2030; Tiếp tục triển khai hướng dẫn điều chỉnh quy hoạch và hoạt động của các cụm công nghiệp trên địa bàn.

- Tiếp tục triển khai công tác quản lý chất lượng và đảm bảo an toàn hồ đập thủy điện trên địa bàn.

- Kiểm tra tình hình hoạt động thương mại biên giới; công tác đấu tranh chống buôn lậu trên tuyến biên giới và một số địa bàn trọng điểm; Tổ chức khảo sát, đề nghị bổ sung quy hoạch một số cửa hàng xăng dầu tại huyện Gio Linh và Đakrông

- Triển khai kế hoạch Hội nhập hợp tác kinh tế quốc tế giai đoạn 2016 – 2020; Kế hoạch triển khai Chỉ thị 15/CT-TTg của Thủ tướng Chính phủ về Hội nhập Quốc tế; Xây dựng dự thảo thay thế Quy chế quản lý và sử dụng kinh phí xúc tiến thương mại tỉnh.

- Tiến hành thanh tra, kiểm tra việc chấp hành pháp luật chuyên ngành về hoạt động điện lực, hoạt động thủy điện trên địa bàn; Đôn đốc giải quyết các ý kiến, kiến nghị của cử tri theo yêu cầu của UBND tỉnh tại Công văn số 3004/UBND-TH ngày 04/8/2015.

- Tham mưu sửa đổi, bổ sung Quy chế chi tiêu nội bộ; Quy chế làm việc của Sở; Ban hành Quy chế quản lý và sử dụng xe ô tô của cơ quan Sở.

- Triển khai xây dựng Đề án tinh giản biên chế của Sở từ năm 2015 đến 2021; Đề xuất phương án đơn giản hóa thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở.

Trên đây là nội dung báo cáo tình hình công nghiệp - thương mại, công tác quản lý nhà nước của Sở trong tháng 8 năm 2015 và một số nhiệm vụ trọng tâm trong tháng 9 năm 2015; Sở Công Thương Quảng Trị báo cáo Bộ Công Thương, UBND tỉnh, các Sở, ban ngành liên quan./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Bộ Công Thương;
- Cục CNĐP, Vụ KH-BCT;
- VP Tỉnh uỷ; VP HĐND tỉnh; VP UBND tỉnh (2b);
- Sở CT các tỉnh Bắc Trung bộ, miền Trung và Tây Nguyên;
- Sở KH & ĐT, Cục Thống kê;
- Phòng Kinh tế- Hạ tầng các huyện, thị, thành phố;
- GD, các PGD Sở;
- Các Phòng thuộc Sở, TTKC, Chi cục QLTT;
- Lưu: VT, VP. *14*



Nguyễn Hữu Hưng

Đơn vị b/c: Sở Công Thương tỉnh Quảng Trị
 Đơn vị nhận b/c: UBND tỉnh Quảng Trị;



Biểu số 01/SCT-BCT
 Ngày nhận b/c: Ngày 22 hàng tháng

BÁO CÁO THỐNG KÊ CÔNG NGHIỆP - THƯƠNG MẠI
Tháng 8 năm 2015

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm báo cáo			Năm trước		Tỷ lệ (%)		
			Thực hiện tháng trước	Ước tính tháng báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng báo cáo	So với thực hiện tháng trước	So với thực hiện cùng kỳ năm trước	So với cộng dồn cùng kỳ năm trước
A	B	C	1	2	3	4	5	6=2/1	7=2/4	8=3/5
I	Sản lượng một số SP công nghiệp chủ yếu	Sản phẩm								
1	Quặng Ilmenite và tinh quặng Ilmenite	Tấn	734,00	740,00	6829,00	1551,00	12019,00	100,82%	47,71%	56,82%
2	Quặng zircon và tinh quặng zircon	Tấn	880,00	785,00	4472,00	935,00	3447,00	89,20%	83,96%	129,74%
3	Đá xây dựng	1000 m ³	68,12	68,56	476,69	69,06	548,58	100,65%	99,28%	86,89%
4	Tinh bột sắn	Tấn	1509,00	2830,00	50445,00	2470,00	41409,00	187,54%	114,6%	121,82%
5	Đồ uống không cồn, nước khoáng (Nước hoa quả cam táo)	1000 lít	828,00	830,00	6466,00	882,00	5912,00	100,24%	94,10%	109,37%
6	Gỗ xẻ	m ³	8949,00	9922,00	56257,00	12910,00	68238,00	110,87%	76,86%	82,44%
7	Ván ép (gỗ MDF)	m ³	6496,00	7100,00	51481,00	7006,00	51839,00	109,30%	101,34%	99,31%
8	Dầu nhựa thông	Tấn	144,00	200,00	1181,00	136,00	582,00	138,89%	147,06%	202,92%
10	Phân bón NPK	Tấn	4094,00	3900,00	33595,00	4227,00	28237,00	95,26%	92,26%	118,98%
11	Lốp xe các loại	1000 cái	90,00	100,00	840,00	105,00	1025,00	111,11%	95,24%	81,95%
12	Săm xe các loại	1000 cái	292,00	350,00	2218,00	280,00	2202,00	119,86%	125,00%	100,73%
13	Gạch xây	1000 viên	12860,00	13020,00	104800,00	13529,00	102330,00	101,24%	96,24%	102,41%
14	Xi măng Protland đen	Tấn	27705,00	28500,00	202281,00	27650,00	178073,00	102,87%	103,07%	113,59%
15	Tấm lợp Phibro xi măng	1000 m ²	424,00	333,00	2663,00	716,00	3700,00	78,54%	46,51%	71,97%
16	Điện sản xuất	Triệu Kwh	23,00	16,00	154,00	16,00	227,00	69,57%	100,00%	67,84%
17	Điện Thương phẩm	Triệu Kwh	42,00	43,00	314,00	42,00	300,00	102,38%	102,38%	104,67%
18	Nước uống được	1000 m ³	1054,00	1050,00	7397,00	942,00	6763,00	99,62%	111,46%	109,37%

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm báo cáo			Năm trước		Tỷ lệ (%)		
			Thực hiện tháng trước	Ước tính tháng báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng báo cáo	Thực hiện tháng báo cáo	Cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng báo cáo	So với thực hiện tháng trước	So với thực hiện cùng kỳ năm trước	So với cộng dồn cùng kỳ năm trước
A	B	C	1	2	3	4	5	6=2/1	7=2/4	8=3/5
II	Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu hoạt động dịch vụ	Tỷ đồng	1776,59	1832,07	14091,32	1717,30	13068,98	103,12%	106,68%	107,82%
1	Tổng mức bán lẻ hàng hóa	Tỷ đồng	1525,86	1580,52	12121,27	1475,15	11244,28	103,58%	107,14%	107,80%
	Phân theo loại hình kinh tế	Tỷ đồng								
1,1	Kinh tế Nhà nước	"	121,39	126,03	967,36	160,59	1273,18	103,82%	78,48%	75,98%
1,2	Kinh tế Tập thể	"	0,14	0,15	0,77	0,16	0,32	104,90%	93,75%	241,25%
1,3	Kinh tế Cá thể	"	899,57	934,59	6989,19	821,98	6271,14	103,89%	113,70%	111,45%
1,4	Kinh tế Tư nhân	"	504,76	519,75	4163,95	492,42	3699,64	102,97%	105,55%	112,55%
2	Tổng doanh thu hoạt động dịch vụ		250,73	251,55	1970,05	242,15	1824,69	100,32%	103,88%	107,97%
2,1	Doanh thu hoạt động dịch vụ (Lưu trú, ăn uống, lữ hành và hoạt động hỗ trợ du lịch)	Tỷ đồng	194,59	194,80	1454,31	185,07	1381,32	100,11%	105,25%	105,29%
	Dịch vụ lưu trú	"	7,78	7,59	46,82	6,70	44,83	97,59%	113,29%	104,42%
	Dịch vụ ăn uống	"	183,75	184,31	1384,92	177,21	1320,74	100,31%	104,01%	104,86%
	Dịch vụ lữ hành và hoạt động hỗ trợ du lịch	"	3,06	2,90	22,58	1,17	15,75	94,85%	248,50%	143,34%
2,2	Doanh thu hoạt động dịch vụ khác	"	56,15	56,74	515,73	57,07	443,37	101,06%	99,42%	116,32%
III	Xuất khẩu (KH năm: 210 triệu USD)	1000 USD	17,931	18,766	127,483	-	121,51	104,66%	-	104,91%
1,1	Kinh tế Nhà nước		0,525	0,72	15,405	-	19,404	137,14%	-	79,39%
1,2	Kinh tế Tư nhân		16,721	17,286	105,829	-	94,28	103,38%	-	112,25%
1,3	Kinh tế có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài		0,685	0,76	6,249	-	7,83	110,95%	-	79,85%
IV	Nhập khẩu (KH năm: 230 triệu USD)	1000 USD	18,403	19,111	113,577	-	124,331691	103,85%	-	91,35%
	Phân theo loại hình kinh tế	"				-			-	
1	Kinh tế Nhà nước	"	0,279	0,47	2,804	-	11,26	168,46%	-	24,91%
2	Kinh tế tư nhân	"	17,771	18,23	107,424	-	108,28	102,58%	-	99,21%
3	Kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài	"	0,353	0,411	3,349	-	4,79	116,43%	-	69,86%



CHỈ SỐ PHÁT TRIỂN SẢN XUẤT CÔNG NGHIỆP
Tháng 8/2015

Đơn vị: %

Tên ngành	Chính thức tháng 7/2015		Dự kiến tháng 8/2015			Chỉ số cộng dồn từ đầu năm đến cuối tháng 8/2015 so với tháng 8/2014
	So với tháng bình quân năm 2010	So với tháng 7 năm 2014	So với tháng bình quân năm 2010	So với tháng 7/2015	So với tháng 8/2014	
A	1	2	3	4	5	6
Toàn ngành	165,17	116,50	157,15	94,25	108,02	113,19
1. Công nghiệp khai khoáng	45,72	95,47	45,79	99,85	100,55	94,21
2. Công nghiệp chế biến, chế tạo	193,25	118,53	184,19	95,07	109,22	119,55
3. Sản xuất, phân phối điện, khí đốt, nước nóng, hơi nước và điều hòa không khí	52,97	118,16	44,51	82,92	103,71	82,21
4. Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	153,36	112,42	152,55	99,47	111,66	110,12



CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG (CPI)

Tháng 8 năm 2015

Nhóm hàng	Mã số	Kỳ gốc	Tháng trước	Tháng cùng kỳ năm trước	Tháng 12 năm trước	Bình quân cùng kỳ
Chỉ số giá tiêu dùng	C	167,00	99,80	99,46	99,59	100,01
I. Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	1	164,81	99,73	98,52	98,03	99,83
II. Đồ uống, thuốc lá	2	143,93	100,00	103,03	102,97	102,57
III. May mặc, mũ nón, giày dép	3	182,62	100,90	105,01	102,97	104,96
IV. Nhà ở, điện nước, chất đốt và vật liệu xây dựng	4	183,91	99,92	99,84	101,38	100,29
V. Thiết bị đồ dùng gia đình	5	157,13	100,00	101,41	101,08	101,65
VI. Thuốc và dịch vụ y tế	6	223,45	100,00	100,28	100,14	100,42
VII. Giao thông	7	146,57	97,98	89,10	96,62	88,81
VIII. Hàng bưu chính viễn thông	8	86,47	100,00	99,14	98,78	98,81
IX. Giáo dục	9	184,62	100,00	103,24	99,82	103,80
X. Văn hóa, giải trí và du lịch	10	128,98	100,00	100,96	100,86	100,91